TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 901/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Trần Thị Đúng;

Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 529/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 438/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Kim Y (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B (vắng mặt).

Địa chỉ: đường P, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/02/2023 và lời khai của nguyên đơn – bà Trần Kim Y thì:

Bà và ông Nguyễn Thanh B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 255,

quyển số 01 ngày 27/11/2009. Sau khi kết hôn, B1 và ông B chung sống tại địa chỉ: đường T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa bà Y và ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế và cách nuôi dạy con, cả hai thường xuyên xảy ra tranh cãi và xô xát. Bà và ông B đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Bà cùng các con chung chuyển về địa chỉ: hẻm H, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến tháng 9/2022, chuyển đến địa chỉ: ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Về việc nuôi con: Bà và ông Nguyễn Thanh B có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngọc Thanh A, sinh ngày: 08/3/2010, giới tính: Nữ và Nguyễn Hoàng Ngọc K, sinh ngày: 11/01/2013, giới tính: Nữ. Hiện các con chung đang sống cùng Bà, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung đều phát triển tốt, học khá và ngoan. Chi phí trung bình mỗi tháng cho mỗi con là 6.000.000đ. Bà có thu nhập ổn định từ việc chạy xe công nghệ và giúp việc nhà, trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ và có chỗ ở ổn định nên Bà có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung. Đồng thời, để tránh xáo trộn cuộc sống của các con, Bà yêu cầu giao 02 (hai) con chung Nguyễn Ngọc Thanh A và Nguyễn Hoàng Ngọc K cho B1 trực tiếp nuôi, Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt Bà.

Bị đơn – ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Con chung Nguyễn Ngọc Thanh A, sinh ngày: 08/3/2010 và con chung Nguyễn Hoàng Ngọc K, sinh ngày: 11/01/2013 đều có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Theo kết quả xác minh của Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1165/TAHBC ngày 05/6/2023 về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1981 có thực tế cư trú tại địa chỉ đường P, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1788/TAHBC ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân thì: "Tại thời điểm xác minh, không liên hệ được ai tại địa chỉ phường P, quận T. Đã liên hệ với tổ trưởng tổ 92 nhưng cũng không có thông tin gì về bà Trần Kim Y và ông N x Thanh Bình nên không thể tiến hành xác minh".

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195; Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Trần Kim Y khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh B, yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên tranh chấp giữa bà Y và ông B là "tranh chấp ly hôn". Theo kết quả xác minh của Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 1165/TAHBC ngày 05/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng cư trú của bị đơn thì ông Nguyễn Thanh B có thực tế cư trú tại địa chỉ đường P, ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Bà Trần Kim Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên căn cứ Khoản 2, Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Y và ông B.

[2] Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 255, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/11/2009 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Kim Y và ông Nguyễn Thanh B là hợp pháp. Theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 403/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2017 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và trình bày của bà Y thì mâu thuận vợ chồng đã kéo dài, thời gian vợ chồng không chung sống đã lâu, bà Y đã từng khởi kiện yêu cầu ly hôn ông B. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông B để ông B trình bày ý kiến, nguyện vọng đối với yêu cầu khởi kiện của bà

Y, giải quyết mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông B vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối đối với các tình tiết do bà Y đưa ra, không có thiện chí đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định bà Y và ông B đã không chung sống; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Y có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con:

[3.1] Theo Bản sao Trích lục khai sinh số 263/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/4/2019; Bản sao Trích lục khai sinh số 290/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/4/2022 và trình bày của bà Y thì bà Y và ông B có 02 (hai) con chung là Nguyễn Ngọc Thanh A, sinh ngày: 08/3/2010, giới tính: Nữ và Nguyễn Hoàng Ngọc K, sinh ngày: 11/01/2013, giới tính: Nữ. Căn cứ Xác nhận thông tin về cư trú số 172 ngày 06/02/2023 của Công an xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Sổ liên lạc năm học 2022 – 2023 và Giấy khen số QĐ: 56/QĐ-GDDT ngày 20/4/2023 của Trường Trung học cơ sở T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; Sổ liên lạc năm học 2022 – 2023 và các Giấy khen số 1951/KT-PĐP ngày 24/5/2021, số 1690/KT-PĐP ngày 11/7/2020, số 1351/KT-PĐP ngày 25/5/2019, số 0804/KT-PĐP ngày 24/6/2022, số 1274/KT-PĐP ngày 26/5/2023, số 0801/KT-PĐP ngày 24/5/2021, số 0535/KT-PĐP ngày 11/7/2020 của Trường Tiểu học P1, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; các Giấy công nhận số 7711-GCN/ĐTN ngày 15/5/2021, số 1074-GCN/ĐTN ngày 19/5/2023 của Ban, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình bày của bà Y thì 02 (hai) con chung Nguyễn Ngọc Thanh A, Nguyễn Hoàng Ngọc K đang sống ổn định cùng bà Y, do bà Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; các con chung đang phát triển tốt. Bà Y xác nhận Bà có thu nhập ổn định đủ đảm bảo các nhu cầu của các con, có khả năng để trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung nên bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung Nguyễn Ngọc Thanh A và Nguyễn Hoàng Ngọc K. Ông B không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu về việc nuôi con của bà Y. Các con chung Nguyễn Ngọc Thanh A, Nguyễn Hoàng Ngọc K đều là trẻ gái và đều có nguyện vọng được ở với mẹ nên việc giao 02 (hai) con chung cho bà Y trực tiếp nuôi sẽ thuận lợi hơn cho việc phát triển về giới, hạn chế việc xáo trộn môi trường sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Y về việc nuôi con.

[3.2] Bà Y không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con đối với 02 (hai) con chung Nguyễn Ngọc Thanh A và Nguyễn Hoàng Ngọc K là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được ghi nhận.

[3.3] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao bà Y trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung Võ Hoàng Gia B2 và Võ Hoàng Gia P, ghi nhận bà Y tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Y trình bày Bà và ông B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác: Bà Y trình bày Bà và ông B không có nợ chung và các nghĩa vụ chung về tài sản khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Đ a, Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì do bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Bà Trần Kim Y được ly hôn ông Nguyễn Thanh B.

2. Về việc nuôi con:

Giao bà Trần Kim Y trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung Nguyễn Ngọc Thanh A, sinh ngày: 08/3/2010, giới tính: Nữ và Nguyễn Hoàng Ngọc K, sinh ngày: 11/01/2013, giới tính: Nữ.

Ghi nhận bà Trần Kim Y tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Nguyễn Ngọc Thanh A và Nguyễn Hoàng Ngọc K, không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có thể thỏa thuận thay đổi mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Kim Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042960 ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Kim Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại của Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (20).

2 000009 128208

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nguyễn Thanh Thùy